

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 31 – 7 – 2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:
Bà Lý Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Ngọc A; Sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 664 ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S (Bà Ngọc A vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H; Sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 664 ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S (Ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc A trình bày:

Bà với ông Nguyễn Thanh H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và do ông H không chung thủy, đã có con với người phụ nữ khác. Hai người đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, ông bà có hai người con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/7/1995 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/02/1999. Thùy T và Thùy D đã thành niên, phát triển bình thường, có gia đình và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện bà Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết đối với căn nhà thì bà sẽ trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho ông H, đối với đất thì bà yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích 3.008,3 m² tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nữa.

Về nợ chung: Bà Ngọc A trình bày không có.

Nay bà Lý Thị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.
- Về con chung: Hai người con là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/7/1995 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/02/1999 đã lập gia đình và có cuộc sống riêng, bà Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: Bà Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà Ngọc A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 77/TB-TLVA ngày 24 tháng 4 năm 2023, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Thanh H nhưng ông Nguyễn Thanh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Ngọc A. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Nguyễn Thanh H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Thanh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị Ngọc A, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị Ngọc A với ông Nguyễn Thanh H. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Trong vụ án này, nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H và yêu cầu chia đôi tài sản chung. Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị Ngọc A có thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn”.

[1.2]. Tại phiên tòa hôm nay, bà Lý Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thanh H đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà Ngọc A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông H mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Ngọc A và ông H.

[2]. Về nội dung: Bà Lý Thị Ngọc A vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Về tài sản chung: Bà Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà Ngọc A trình bày không có. Do ông H vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Ngọc A và ông H thấy rằng, bà Ngọc A và ông H chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Kể từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Như vậy đối chiếu với các quy định của pháp luật thì mối quan hệ giữa bà Ngọc A với ông H không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Ngọc A được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Ngọc A và ông H có hai người con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/7/1995 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/02/1999.

Cả hai người đã lập gia đình và có cuộc sống riêng, bà Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà Ngọc A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Bà Ngọc A phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn.

[8]. Xét thấy ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị Ngọc A với ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Bà Lý Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thanh H có hai người con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/7/1995 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/02/1999. Cả hai người đã lập gia đình và có cuộc sống riêng, bà Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Lý Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Lý Thị Ngọc A trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006719 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Hoàn trả cho bà Lý Thị Ngọc A 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) còn thừa.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân